

Số: /BC-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TUẦN

Kết quả đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (tính từ 01/7/2025 đến 08/12/2025).

Kính gửi: - Thường trực Tỉnh ủy
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử;

Căn cứ vào kết quả công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>), Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công của tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ CHUNG

1. Theo kết quả công bố trên Cổng dịch vụ công quốc gia:

Tính đến ngày 08/12/2025, tỉnh Bắc Ninh đạt 92,80 điểm, tiếp tục khẳng định vị trí số 1 toàn quốc tuần thứ mười hai liên tiếp. Đây là tuần thứ ba liên tiếp tỉnh vượt ngưỡng 92,5 điểm, thể hiện sự ổn định trong chất lượng phục vụ.

Khoảng cách với Hải Phòng (vị trí thứ 2, đạt 92,41 điểm) là 0,39 điểm. Đồng Nai (vị trí thứ 3) đạt 91,97 điểm, cách Bắc Ninh 0,83 điểm. Điểm đáng chú ý là Quảng Trị tụt từ vị trí thứ 4 xuống hạng 15 (đạt 90,14 điểm), trong khi Gia Lai vươn lên hạng 4 với 91,08 điểm.

2. Bảng xếp hạng Top 5 toàn quốc

Hạng	Tỉnh/Thành phố	Điểm 08/12	Cách Bắc Ninh
1	Bắc Ninh	92,80	-
2	Hải Phòng	92,41	-0,39
3	Đồng Nai	91,97	-0,83
4	Gia Lai	91,08	-1,72
5	Hung Yên	91,06	-1,74

3. Diễn biến các chỉ số thành phần tỉnh Bắc Ninh

Chỉ số	Điểm tối đa	Tuần 01/12	Tuần 08/12	Biến động
Công khai, minh bạch	18	15,82	15,82	---
Tiến độ giải quyết	20	19,41	19,44	+0,03
Dịch vụ công trực tuyến	12	8,53	8,53	---
Thanh toán trực tuyến	10	10,00	10,00	---
Mức độ hài lòng	18	17,86	17,86	---
Số hóa hồ sơ	22	21,11	21,15	+0,04
TỔNG ĐIỂM	100	92,73	92,80	+0,07

4. Đánh giá chung

Phân tích chi tiết các chỉ số thành phần cho thấy bức tranh tổng thể tích cực nhưng vẫn còn một số điểm cần tập trung cải thiện.

- Nhóm chỉ số đạt mức cao và ổn định: Thanh toán trực tuyến tiếp tục duy trì điểm tuyệt đối 10/10 điểm. Mức độ hài lòng đạt 17,86/18 điểm (99,2%), phản ánh sự ghi nhận tích cực từ người dân và doanh nghiệp đối với chất lượng phục vụ của tỉnh. Tiến độ giải quyết đạt 19,44/20 điểm (97,2%), tăng nhẹ 0,03 điểm so với tuần trước, cho thấy các cơ quan, đơn vị đang duy trì tốt việc xử lý hồ sơ đúng hạn.

- Nhóm chỉ số có chuyển biến: Số hóa hồ sơ tăng từ 21,11 lên 21,15 điểm (đạt 96,1% so với điểm tối đa), đánh dấu sự cải thiện sau khi giảm nhẹ vào tuần trước. Đây là tín hiệu cho thấy công tác số hóa đang được các đơn vị quan tâm thực hiện.

- Nhóm chỉ số cần tập trung cải thiện: Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến đạt 8,53/12 điểm (tương đương 71,1% so với điểm tối đa), là chỉ số có tỷ lệ hoàn thành thấp nhất trong 6 nhóm chỉ số. Với dư địa còn lại gần 3,5 điểm, đây là lĩnh vực cần được ưu tiên để tạo bước đột phá trong thời gian tới. Chỉ số Công khai, minh bạch đạt 15,82/18 điểm (87,9% so với điểm tối đa), không có biến động qua nhiều tuần liên tiếp, cần rà soát kỹ các tiêu chí chưa đạt điểm tối đa để có giải pháp khắc phục cụ thể.

II. KẾT QUẢ XẾP HẠNG

1. Các sở, ngành

Tuần này chứng kiến nhiều chuyển biến tích cực. Sở Nội vụ tiếp tục dẫn đầu với 95,20 điểm (tăng 0,34). Đáng chú ý, Sở Dân tộc và Tôn giáo tăng 1,19 điểm (từ 93,47 lên 94,66), vươn lên vị trí thứ 2. Sở Công Thương cũng ghi nhận mức tăng ấn tượng 1,42 điểm (từ 89,57 lên 90,99).

Có 10/13 đơn vị tăng điểm, 01 đơn vị giữ nguyên (Văn phòng UBND tỉnh) và 02 đơn vị giảm nhẹ (Sở Khoa học và Công nghệ: -0,04; Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: -0,15). Sở Giáo dục và Đào tạo dù đứng cuối bảng nhưng đã có cải thiện

với 88,06 điểm (tăng 0,19).

STT	Sở/Ngành	Tuần 01/12	Tuần 08/12	Biến động
1	Sở Nội vụ	94,86	95,20	+0,34
2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	93,47	94,66	+1,19
3	Sở Y tế	94,07	94,38	+0,31
4	Văn phòng UBND tỉnh	94,33	94,33	---
5	Ban Quản lý các khu công nghiệp	92,94	93,92	+0,98
6	Sở Khoa học và Công nghệ	93,46	93,42	-0,04
7	Sở Xây dựng	92,93	93,10	+0,17
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	92,62	92,74	+0,12
9	Sở Tư pháp	92,09	92,29	+0,20
10	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	91,92	91,77	-0,15
11	Sở Công Thương	89,57	90,99	+1,42
12	Sở Tài chính	90,82	90,91	+0,09
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	87,87	88,06	+0,19

2. Các xã, phường

Tuần này có 96/99 đơn vị đạt trên 90 điểm (chiếm 97,0%), tăng 1 đơn vị so với tuần trước. Xã Văn Môn đã vượt ngưỡng 90 điểm (đạt 91,06). Còn 3 đơn vị dưới 90 điểm là xã Tam Đa (89,55), xã Đại Lai (88,97) và xã Yên Trung (88,81).

2.1. Top 10 xã/phường dẫn đầu (tính đến thời điểm 08/12)

Xã An Lạc tiếp tục giữ vững ngôi đầu với 94,42 điểm. Phường Chũ vươn lên hạng 2 với 94,20 điểm (tuần trước hạng 6). Xã Sơn Động và Phường Bắc Giang ổn định ở vị trí thứ 3 và 4. Phường Võ Cường có bước tiến đáng ghi nhận, từ hạng 29 lên hạng 10.

STT	Xã/Phường	Tuần 01/12	Tuần 08/12	Biến động	Ghi chú
1	Xã An Lạc	94,40	94,42	+0,02	Giữ vững ngôi đầu
2	Phường Chũ	93,95	94,20	+0,25	Từ hạng 6 lên hạng 2
3	Xã Sơn Động	94,16	94,18	+0,02	Ổn định
4	Phường Bắc Giang	94,16	94,16	–	Giữ nguyên
5	Xã Hợp Thịnh	94,17	94,15	–0,02	Từ hạng 2 xuống hạng 5
6	Phường Việt Yên	94,08	94,06	–0,02	Giảm nhẹ
7	Phường Tiên Phong	93,91	94,05	+0,14	Cải thiện tốt
8	Xã Tuấn Đạo	93,94	93,95	+0,01	Ổn định
9	Phường Tân Tiến	93,80	93,84	+0,04	Ổn định

10	Phường Võ Cường	92,60	93,62	+1,02	Tăng mạnh, từ hạng 29 lên hạng 10
----	-----------------	-------	-------	-------	-----------------------------------

(*) Ghi chú: Do số liệu trên Cổng dịch vụ công Quốc gia đang tính sai, có 07 đơn vị bị trừ 02 điểm kỹ thuật (đồng thời trừ trong chỉ số "Số hóa hồ sơ") gồm: Phường Vũ Ninh, Phường Nénh, Xã Mỹ Thái, Xã Tân Yên, Xã Cao Đức, Xã Văn Môn, Xã Nhân Thắng. Việc điều chỉnh này nhằm bảo đảm công bằng, khách quan giữa các đơn vị.

Nhóm 10 đơn vị dẫn đầu tiếp tục duy trì phong độ ổn định với điểm số dao động từ 93,62 đến 94,42 điểm, khoảng cách giữa vị trí số 1 và số 10 chỉ 0,80 điểm, cho thấy sự đồng đều trong chất lượng phục vụ của các đơn vị đầu bảng. Xã An Lạc tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu tuần thứ hai liên tiếp với 94,42 điểm. Đơn vị này đạt điểm tối đa ở 3/6 chỉ số (Công khai minh bạch, Thanh toán trực tuyến, Mức độ hài lòng) và duy trì Tiến độ giải quyết ở mức rất cao (19,98/20 điểm).

Điểm sáng nổi bật của tuần là Phường Võ Cường với mức tăng ấn tượng 1,02 điểm, vươn từ hạng 29 lên Top 10. Sự tiến bộ này đến từ việc cải thiện đồng bộ nhiều chỉ số, đặc biệt là Thanh toán trực tuyến (tăng từ 8,96 lên 9,79 điểm). Phường Chũ cũng có bước tiến đáng ghi nhận, từ hạng 6 lên hạng 2 nhờ nâng cao chỉ số Dịch vụ công trực tuyến (từ 8,19 lên 8,67 điểm).

Về xu hướng chung, 7/10 đơn vị tăng điểm hoặc giữ nguyên, chỉ có 3 đơn vị giảm nhẹ với biên độ không đáng kể (dưới 0,05 điểm). Điều này phản ánh nỗ lực duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ của các đơn vị trong nhóm dẫn đầu.

2.2. 10 xã/phường có điểm thấp nhất (tính đến thời điểm 08/12)

STT	Xã/Phường	Tuần 01/12	Tuần 08/12	Biến động	Ghi chú
90	Xã Văn Môn	88,66	91,06	+2,40	Tăng mạnh nhất toàn tỉnh
91	Phường Đào Viên	90,96	91,06	+0,10	
92	Xã Đại Đồng	91,08	90,98	-0,10	Giảm nhẹ
93	Xã Liên Bảo	90,84	90,84	-	Giữ nguyên
94	Xã Sa Lý	90,86	90,77	-0,09	Thanh toán trực tuyến thấp (7,68/10)
95	Xã Xuân Lương	90,68	90,76	+0,08	
96	Xã Đại Sơn	90,54	90,60	+0,06	
97	Xã Tam Đa	89,48	89,55	+0,07	Tiến độ, Hài lòng thấp
98	Xã Đại Lai	88,81	88,97	+0,16	Thanh toán trực tuyến thấp (7,62/10)
99	Xã Yên Trung	88,29	88,81	+0,52	Công khai, Thanh toán cần cải thiện

Tín hiệu đáng mừng khi nhóm 10 đơn vị cuối bảng có chuyển biến tích cực: 7/10 đơn vị tăng điểm hoặc giữ nguyên, tổng điểm trung bình của nhóm tăng từ 90,12 lên 90,54 điểm. Điểm nhấn quan trọng nhất là xã Văn Môn ghi nhận mức tăng

cao nhất toàn tỉnh với 2,40 điểm (từ 88,66 lên 91,06 điểm), chính thức vượt ngưỡng 90 điểm sau nhiều tuần nằm trong nhóm cần cải thiện. Thành công này đến từ việc khắc phục triệt để chỉ số Thanh toán trực tuyến (tăng từ 5,67 lên 7,71 điểm). Nhờ nỗ lực của xã Văn Môn, số đơn vị đạt trên 90 điểm của tỉnh tăng từ 95 lên 96/99 đơn vị (chiếm 97,0%).

Xã Yên Trung cũng có bước tiến đáng kể với mức tăng 0,52 điểm, chủ yếu nhờ cải thiện chỉ số Công khai minh bạch (từ 16,79 lên 17,25 điểm). Tuy nhiên, đơn vị này vẫn đứng cuối bảng do chỉ số Thanh toán trực tuyến còn thấp (6,67/10 điểm).

Ba đơn vị chưa đạt ngưỡng 90 điểm cần được quan tâm chỉ đạo sát sao: Xã Tam Đa (89,55 điểm) gặp khó khăn ở chỉ số Tiến độ giải quyết (17,57/20) và Mức độ hài lòng (17,86/18); Xã Đại Lai (88,97 điểm) và Xã Yên Trung (88,81 điểm) có điểm chung là chỉ số Thanh toán trực tuyến thấp (lần lượt 7,62 và 6,67/10 điểm). Đề nghị các đơn vị này xây dựng kế hoạch cụ thể, tập trung nguồn lực để sớm đạt ngưỡng 90 điểm trong các tuần tới.

2.3. Top 10 xã, phường có mức tăng điểm cao nhất so với tuần trước:

STT	Xã/Phường	Tuần 01/12	Tuần 08/12	Biến động	Ghi chú
1	Xã Văn Môn	88,66	91,06	+2,40	Tăng cao nhất, vượt ngưỡng 90 điểm
2	Phường Võ Cường	92,60	93,62	+1,02	Từ hạng 29 lên Top 10
3	Phường Nénh	92,61	93,42	+0,81	Từ hạng 28 lên hạng 13
4	Phường Từ Sơn	92,66	93,43	+0,77	Từ hạng 26 lên hạng 12
5	Xã Bắc Lũng	92,10	92,75	+0,65	Cải thiện đáng kể
6	Xã Lục Sơn	92,58	93,20	+0,62	Từ hạng 30 lên hạng 19
7	Xã Yên Phong	91,95	92,51	+0,56	Cải thiện tốt
8	Xã Yên Trung	88,29	88,81	+0,52	Cuối bảng nhưng tiến bộ rõ rệt
9	Phường Trí Quả	92,65	93,07	+0,42	
10	Xã Hiệp Hòa	92,93	93,29	+0,36	Từ hạng 21 lên hạng 16

Tuần này ghi nhận nhiều đơn vị có bước tiến vượt bậc, thể hiện sự nỗ lực cải thiện chất lượng phục vụ trong toàn hệ thống.

Xã Văn Môn dẫn đầu mức tăng với 2,40 điểm, đây là mức tăng cao nhất trong số 99 đơn vị cấp xã của tỉnh. Thành tích này đến từ việc khắc phục chỉ số Thanh toán trực tuyến (tăng từ 5,67 lên 7,71 điểm). Nhờ nỗ lực này, xã Văn Môn đã chính thức vượt ngưỡng 90 điểm, thoát khỏi nhóm đơn vị cần cải thiện.

Phường Võ Cường đứng thứ hai với mức tăng 1,02 điểm, giúp đơn vị thăng hạng từ vị trí 29 lên Top 10 toàn tỉnh. Sự tiến bộ này là kết quả của việc cải thiện đồng bộ nhiều chỉ số, đặc biệt là Thanh toán trực tuyến (từ 8,96 lên 9,79 điểm) và Dịch vụ công trực tuyến (từ 8,16 lên 8,34 điểm).

Xã Yên Trung dù vẫn đứng cuối bảng xếp hạng chung nhưng nằm trong Top 10 đơn vị tăng điểm (+0,52), thể hiện sự cố gắng vươn lên của đơn vị. Đề nghị tiếp tục phát huy để sớm đạt ngưỡng 90 điểm trong các tuần tới.

(có Phụ lục bảng xếp hạng và dữ liệu chi tiết kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TUẦN TỚI

1. Đánh giá tổng quan:

1.1. Kết quả đạt được

Tuần thứ mười hai liên tiếp, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu toàn quốc về chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp với 92,80 điểm, tăng 0,07 điểm so với tuần trước. Khoảng cách với Hải Phòng (vị trí thứ 2) được duy trì ở mức 0,39 điểm, thể hiện sự ổn định và bền vững trong chất lượng phục vụ của tỉnh.

Về khối sở, ngành: Có 10/13 đơn vị tăng điểm (chiếm 76,9%), 01 đơn vị giữ nguyên và chỉ 02 đơn vị giảm nhẹ. Sở Nội vụ tiếp tục dẫn đầu với 95,20 điểm. Đặc biệt ghi nhận sự tăng điểm của Sở Công Thương (+1,42 điểm), Sở Dân tộc và Tôn giáo (+1,19 điểm) và Ban Quản lý các khu công nghiệp (+0,98 điểm).

Về khối xã, phường: Số đơn vị đạt trên 90 điểm tăng từ 95 lên 96/99 đơn vị (chiếm 97,0%). Xã Văn Môn có bước tiến xuất sắc với mức tăng 2,40 điểm - cao nhất toàn tỉnh, chính thức vượt ngưỡng 90 điểm. Phường Võ Cường tăng 1,02 điểm, vươn từ hạng 29 lên Top 10.

1.2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại cần quan tâm khắc phục:

Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến đạt 8,53/12 điểm (71,1%), là chỉ số có tỷ lệ hoàn thành thấp nhất, còn dư địa cải thiện gần 3,5 điểm. Chỉ số Công khai, minh bạch đạt 15,82/18 điểm (87,9%), không có biến động qua nhiều tuần liên tiếp, cần rà soát các tiêu chí chưa đạt điểm tối đa.

Còn 03 đơn vị cấp xã chưa đạt ngưỡng 90 điểm gồm: xã Tam Đa (89,55 điểm), xã Đại Lai (88,97 điểm) và xã Yên Trung (88,81 điểm). Điểm yếu chung của các đơn vị này là chỉ số Thanh toán trực tuyến thấp (dao động từ 6,67 đến 8,61/10 điểm).

Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đứng cuối bảng xếp hạng khối sở, ngành với 88,06 điểm, dù đã có cải thiện (+0,19 điểm). Nguyên nhân chính do chỉ số Thanh toán trực tuyến chỉ đạt 4,50/10 điểm.

2. Định hướng và nhiệm vụ trọng tâm tuần tới

a) Đối với các sở, ngành:

Tiếp tục rà soát, cập nhật đầy đủ thông tin thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công để cải thiện chỉ số Công khai, minh bạch. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến.

Sở Giáo dục và Đào tạo cần có giải pháp đột phá để nâng cao chỉ số Thanh toán trực tuyến, phấn đấu sớm đạt ngưỡng 90 điểm.

Biểu dương Sở Công Thương, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ban Quản lý các khu công nghiệp có mức tăng điểm vượt trội; đề nghị các đơn vị chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay để các sở, ngành khác học tập.

b) Đối với cấp xã, phường:

Chỉ đạo UBND xã Tam Đa, xã Đại Lai, xã Yên Trung xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định rõ nguyên nhân và giải pháp khắc phục để sớm đạt ngưỡng 90 điểm. Tập trung cải thiện chỉ số Thanh toán trực tuyến - điểm yếu chung của cả 3 đơn vị. Nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả của xã Văn Môn, Phường Võ Cường trong việc nâng cao điểm số các chỉ số thành phần.

c) Đối với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

Tiếp tục theo dõi sát diễn biến điểm số hàng ngày; kịp thời cảnh báo, đôn đốc các đơn vị có dấu hiệu giảm điểm. Phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị còn khó khăn trong việc thực hiện các chỉ số.

Trên đây là báo cáo về đánh giá Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử tính đến ngày 08/12 năm 2025./.

Nơi nhận: (35)

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP, TH, NC;
- + LĐTТ; các phòng thuộc TT;
- + Lưu: VT. TTPVHCC.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Ngọc Nam

Phụ lục bảng xếp hạng và dữ liệu chi tiết
(tính đến ngày 08/12/2025)

1. CÁC SỞ, NGÀNH (13 ĐƠN VỊ)

STT	Sở/Ngành	Công khai (18)	Tiến độ (20)	DV công (10)	Thanh toán (10)	Hài lòng (18)	Số hóa (22)	Tổng (100)
1	Sở Nội vụ	18	19,61	10	9,88	18	19,71	95,2
2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	18	20	10	10	18	18,66	94,66
3	Sở Y tế	18	19,38	10	10	18	19	94,38
4	Văn phòng UBND tỉnh	18	20	10	10	18	18,33	94,33
5	Ban Quản lý các khu công nghiệp	18	19,89	10	10	18	18,03	93,92
6	Sở Khoa học và Công nghệ	18	18,76	10	9,65	18	19,01	93,42
7	Sở Xây Dựng	18	19,48	10	10	18	17,62	93,1
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18	18,69	10	9,75	18	18,3	92,74
9	Sở Tư Pháp	18	18,35	10	9,99	18	17,95	92,29
10	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	18	18,41	10	10	18	17,36	91,77
11	Sở Công Thương	15,33	19,35	10	10	18	18,31	90,99
12	Sở Tài Chính	18	18,81	10	7	18	19,1	90,91
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	19,73	10	4,5	18	17,83	88,06

2. CÁC XÃ, PHƯỜNG (99 ĐƠN VỊ)

STT	Xã/Phường	C.khai (18)	T.độ (20)	DV công (12)	Thanh toán (10)	H.lòng (18)	S.hóa (22)	Tổng (100)
1	Xã An Lạc	18	19,98	8,55	10	18	19,89	94,42
2	Phường Chũ	18	19,85	8,67	10	18	19,68	94,2
3	Xã Sơn Động	18	19,96	8,48	10	18	19,74	94,18
4	Phường Bắc Giang	18	19,83	8,62	10	18	19,71	94,16
5	Xã Hợp Thịnh	18	19,68	8,7	9,96	18	19,81	94,15
6	Phường Việt Yên	18	19,79	8,64	10	18	19,63	94,06
7	Phường Tiên Phong	18	19,9	8,44	10	18	19,71	94,05
8	Xã Tuấn Đạo	18	19,86	8,49	10	18	19,6	93,95
9	Phường Tân Tiến	18	19,98	8,52	9,61	18	19,73	93,84
10	Phường Võ Cường	18	19,78	8,34	9,79	18	19,71	93,62
11	Xã Trung Chính	18	19,73	8,4	9,99	18	19,46	93,58
12	Phường Từ Sơn	18	19,92	8,46	9,51	18	19,54	93,43
13	Phường Nénh*	18	19,46	8,37	10	18	19,59	93,42
14	Xã Đông Việt	18	19,58	8,22	10	18	19,62	93,42
15	Xã Xuân Cầm	18	19,57	8,51	9,52	18	19,79	93,39
16	Xã Hiệp Hòa	18	19,53	8,64	9,6	18	19,52	93,29
17	Phường Quế Võ	18	19,77	8,4	9,35	18	19,72	93,24
18	Xã Nghĩa Phương	18	19,97	8,22	9,22	18	19,81	93,22
19	Xã Lục Sơn	18	19,96	8,14	9,44	18	19,66	93,2
20	Phường Tụ Lạn	18	19,49	8,46	9,65	18	19,59	93,19
21	Xã Hoàng Vân	18	19,49	8,7	9,35	18	19,64	93,18
22	Xã Lạng Giang	18	19,82	8,59	9,04	18	19,73	93,18
23	Phường Đồng Nguyên	18	19,85	8,62	9,07	18	19,6	93,14
24	Xã Vân Sơn	18	19,96	8,34	9,59	18	19,2	93,09
25	Phường Trí Quả	18	19,68	8,4	9,46	18	19,53	93,07
26	Xã Tân Chi	18	19,75	8,27	9,79	18	19,26	93,07
27	Phường Đa Mai	18	19,55	8,18	9,67	18	19,57	92,97
28	Phường Cảnh Thụy	18	19,93	8,12	9,37	18	19,53	92,95
29	Phường Vân Hà	18	19,71	8,14	9,35	18	19,66	92,86
30	Phường Tân An	18	19,87	8,16	9,04	18	19,74	92,81
31	Phường Yên Dũng	18	19,91	8,14	9,02	18	19,73	92,8
32	Xã Bắc Lũng	18	19,74	8,4	9,51	18	19,1	92,75
33	Xã Tân Dĩnh	18	19,8	8,14	8,99	18	19,79	92,72

STT	Xã/Phường	C.khai (18)	T.độ (20)	DV công (12)	Thanh toán (10)	H.lòng (18)	S.hóa (22)	Tổng (100)
34	Phường Phương Sơn	18	19,9	8,08	9,14	18	19,57	92,69
35	Xã Yên Định	18	19,94	8,12	8,98	18	19,63	92,67
36	Phường Song Liễu	18	18,94	8,64	9,79	18	19,27	92,64
37	Xã Trung Khê	18	19,7	8,41	9,56	18	18,95	92,62
38	Xã Nhã Nam	18	19,93	8,1	8,97	18	19,59	92,59
39	Xã Kiên Lao	18	19,82	8,12	8,89	18	19,72	92,55
40	Phường Nhân Hoà	18	19,79	8,18	8,98	18	19,58	92,53
41	Phường Kinh Bắc	18	19,55	8,62	8,87	18	19,47	92,51
42	Xã Yên Phong	18	19,7	8,16	8,94	18	19,71	92,51
43	Xã Quang Trung	18	19,85	8,1	9,02	18	19,51	92,48
44	Xã Lâm Thao	18	19,58	8,29	9,52	18	19,08	92,47
45	Xã Tam Tiến	18	19,4	8,18	9,04	18	19,77	92,39
46	Xã Biền Động	18	19,93	8,08	8,76	18	19,58	92,35
47	Phường Phương Liễu	18	19,74	8,11	8,62	18	19,84	92,31
48	Xã Phật Tích	18	19,91	8,12	8,52	18	19,76	92,31
49	Xã Tân Yên*	18	19,87	8,12	9,09	18	19,2	92,28
50	Xã Cẩm Lý	18	19,64	8,12	8,71	18	19,8	92,27
51	Xã Mỹ Thái*	18	19,96	8,11	8,53	18	19,65	92,25
52	Phường Hạp Lĩnh	18	19,93	8,12	8,46	18	19,7	92,21
53	Xã Đông Phú	18	19,76	8,1	8,8	18	19,55	92,21
54	Xã Ngọc Thiệp	18	19,73	8,31	9,08	18	19,09	92,21
55	Phường Nam Sơn	18	19,71	8,14	8,76	18	19,59	92,2
56	Xã Phúc Hòa	18	19,88	8,14	8,44	18	19,71	92,17
57	Phường Vũ Ninh*	18	19,65	8,12	9,03	18	19,34	92,14
58	Xã Đồng Kỳ	18	19,81	8,12	8,52	18	19,69	92,14
59	Xã Kép	18	19,95	8,12	8,39	18	19,65	92,11
60	Xã Bảo Đài	18	19,4	8,12	8,98	18	19,6	92,1
61	Xã Tân Sơn	18	19,95	8,07	8,72	18	19,34	92,08
62	Xã Tiên Lục	18	19,74	8,29	8,56	18	19,45	92,04
63	Xã Lục Ngạn	18	19,92	8,1	8,48	18	19,47	91,97
64	Xã Biên Sơn	18	19,65	8,11	8,62	18	19,58	91,96
65	Phường Bồng Lai	18	19,78	8,11	8,81	18	19,24	91,94
66	Xã Sơn Hải	18	19,72	8,1	8,58	18	19,54	91,94
67	Phường Tam Sơn	18	19,83	8,12	8,54	18	19,37	91,86
68	Phường Thuận Thành	18	19,54	8,15	8,69	18	19,47	91,85

STT	Xã/Phường	C.khai (18)	T.độ (20)	DV công (12)	Thanh toán (10)	H.lòng (18)	S.hóa (22)	Tổng (100)
69	Xã Nam Dương	18	19,82	8,08	8,28	18	19,6	91,78
70	Xã Lương Tài	18	19,42	8,15	8,81	18	19,4	91,78
71	Xã Bồ Hạ	18	19,41	8,16	8,48	18	19,69	91,74
72	Phường Phù Khê	18	19,69	8,11	8,43	18	19,41	91,64
73	Xã Tiên Du	18	19,57	8,15	8,71	18	19,18	91,61
74	Xã Chi Lăng	18	19,67	8,11	8,46	18	19,33	91,57
75	Xã Dương Hưu	18	19,66	8,08	8,75	18	19,03	91,52
76	Xã Yên Thế	18	19,48	8,16	8,5	18	19,37	91,51
77	Xã Tam Giang	18	19,61	8,12	8,31	18	19,45	91,49
78	Xã Tây Yên Tử	18	19,3	8,05	8,84	18	19,28	91,47
79	Phường Ninh Xá	18	19,95	8,08	8,01	18	19,4	91,44
80	Xã Gia Bình	18	19,7	8,23	8,15	18	19,33	91,41
81	Xã Đông Cứu	18	19,15	8,1	8,57	18	19,58	91,4
82	Xã Trường Sơn	18	19,3	8,08	8,57	18	19,41	91,36
83	Xã Cao Đức*	18	19,45	8,08	8,14	18	19,68	91,35
84	Xã Lục Nam	18	19,19	8,1	8,91	18	19,14	91,34
85	Phường Trạm Lộ	18	19,5	8,08	8,22	18	19,48	91,28
86	Phường Mão Điền	18	19,56	8,11	8,41	18	19,19	91,27
87	Xã Đèo Gia	18	19,77	8,1	8,05	18	19,33	91,25
88	Xã Nhân Thắng*	18	19,37	8,14	8,37	18	19,24	91,12
89	Xã Phù Lãng	18	19,86	8,12	7,48	18	19,62	91,08
90	Xã Văn Môn*	18	19,86	8,12	7,71	18	19,37	91,06
91	Phường Đào Viên	18	19,37	8,11	8,18	18	19,4	91,06
92	Xã Đại Đồng	18	19,09	8,14	8,97	18	18,78	90,98
93	Xã Liên Bảo	18	19,38	8,11	8,18	18	19,17	90,84
94	Xã Sa Lý	18	19,62	8,07	7,68	18	19,4	90,77
95	Xã Xuân Lương	18	19,09	8,12	8,92	18	18,63	90,76
96	Xã Đại Sơn	18	19,8	8,12	8,13	18	18,55	90,6
97	Xã Tam Đa	18	17,57	8,1	8,61	17,86	19,41	89,55
98	Xã Đại Lai	18	18,94	8,1	7,62	18	18,31	88,97
99	Xã Yên Trung	17,25	19,17	8,12	6,67	18	19,6	88,81

(*)**Chú thích:** Do hệ thống của Công dịch vụ công Quốc gia tính sai điểm số (+2 điểm số hóa hồ sơ cho 07/99 đơn vị), 07 đơn vị được đánh dấu (*) đã bị trừ 2 điểm ở chỉ số số hóa hồ sơ và tổng điểm. Thứ hạng trong bảng trên đã được điều chỉnh để đảm bảo công bằng.

Nguồn dữ liệu: Công dịch vụ công Quốc gia

Thời điểm cập nhật: 08/12/2025

Nguồn: <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tiendogiaiquyet.html>